

Số: 86/CCTHADS

Năm Căn, ngày 09 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 135/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;

Căn cứ Quyết định số 107/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2021, Bản án số 43/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn; Bản án số 28/2023/DS-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của TAND tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-SCBSBA ngày 28 tháng 3 năm 2023 của TAND tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 163/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 02 năm 2022, Quyết định thi hành án số 387/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 3 năm 2023, Quyết định thi hành án số 468/QĐ-CCTHADS ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số 13/QĐ-CCTHA ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn;

Căn cứ kết quả thẩm định giá số 361/2025/136 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Thẩm định Giá Trị Việt;

Do đương sự không thỏa thuận về tổ chức bán đấu giá, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, địa chỉ khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau cần lựa chọn tổ chức bán đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá các tài sản đã kê biên như sau:

I. Tên, địa chỉ của đơn vị có tài sản đấu giá:

- Tên của đơn vị có tài sản đấu giá: Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

II. Tên tài sản, đặc điểm tài sản, số lượng, giá khởi điểm của tài sản đấu giá:

GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Tên tài sản	Loại đất/CLCL(%)	Diện tích (m2/m3)	Đơn giá (đồng/m2/m3/cây)	Thành tiền (đồng)
-----	-------------	------------------	-------------------	--------------------------	-------------------

)/ Loại Cây)/ Số lượng (cây)		
I	Giá trị Quyền sử dụng đất				6.111.659.100
1.1	Thửa số 402+403+404 cùng tờ bản đồ số 16 (Căn cứ theo Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất) tại ấp Trại Lưới A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	ONT	300,00	291.000	87.300.000
		NTS	29608,10	81.000	2.398.256.100
		NTS thuộc LG	79,40	30.000	2.382.000
1.2	Thửa số 400+401 (Căn cứ theo Bản vẽ tách thửa đất, hợp thửa đất được tách từ thửa 219) và Thửa số 220 cùng tờ bản đồ số 16 (Căn cứ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng) tại ấp Trại Lưới A, xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.	ONT	200,00	288.000	57.600.000
		CLN	5752,50	104.000	598.260.000
		NTS	37979,50	78.000	2.962.401.000
		CLN thuộc LG	136,50	40.000	5.460.000
II	Giá trị công trình xây dựng				1.501.905.399
2.1	Cổng sô (kích thước ngang 1,9m x dài 8m x cao 2m) có nắp, tường xây gạch 10cm	40%	31,52	2.415.000	30.448.320
2.2	04 Hồ ươm giống thủy sản, mỗi hồ kích thước (ngang 2,2m x dài 2,2m x cao 1,7m)	40%	32,912	3.698.000	48.683.430

2.3	02 Hồ ươm giống thủy sản, mỗi hồ kích thước (ngang 2,2m x dài 1,35m x cao 0,8m)	40%	2,376	3.698.000	3.514.579
2.4	02 Hồ ươm giống thủy sản, mỗi hồ kích thước (ngang 2,2m x dài 1,9m x cao 0,8m)	40%	3,344	3.698.000	4.946.445
2.5	Nhà nuôi gà kết cấu khung cột BTCT, tường gạch, nền xi măng, mái tole thiếc	50%	35,175	2.974.000	52.305.225
2.6	03 Ao tôm công nghiệp (ao nuôi), công đào ao		13342,3 00	38.000	507.007.400
2.7	03 Ao tôm công nghiệp (ao lắng), công đào ao		22500,0 00	38.000	855.000.000
III	Giá trị Cây trồng trên đất				4.306.000
3.1	Cây dừa đang cho trái	Loại A	2,00	800.000	1.600.000
3.2	Cây dừa sắp cho trái	Loại B	4,00	606.000	2.424.000
3.3	Cây dừa lão ít cho trái	Loại C	1,00	282.000	282.000
Tổng cộng					7.617.870.499
Bằng chữ: Bảy tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, tám trăm bảy mươi nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng./					

* Giá khởi điểm trên không bao gồm thuế GTGT, khách hàng trúng thầu tự chịu chi phí trong việc vận chuyển và các chi phí liên quan khác.

3. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tổ chức bán đấu giá tài sản: theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản.

(Đính kèm Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản)

4. Thời hạn, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo trên Cổng đấu giá tài sản Quốc gia (trong giờ hành chính) đến 17 giờ ngày 12/6/2025.

b) Địa điểm và phương thức nộp hồ sơ đăng ký:

- Nộp trực tiếp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, Khóm 4, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn; Không nhận hồ sơ gửi thông qua đường bưu điện. Hồ sơ nộp trực tiếp có ký nhận của bộ phận nhận hồ sơ trong thời gian nêu trên.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn trân trọng thông báo đề các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

(Kèm theo bản tiêu chí và thang điểm xét duyệt hồ sơ lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản, theo quy định tại Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15)

Nơi nhận:

- Công Thông Tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, HS THA.

Đính kèm:

Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản.

CHẤP HÀNH VIÊN

Phan Cẩm Tú

PHỤ LỤC
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC
ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

(Kèm theo Thông Báo số:/CCTHADS ngày tháng 6 năm 2025
của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0

III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (<i>Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án</i>)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0

2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) 4. Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0

5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0

9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	8,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá	3,0
2.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	3,0
3.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	2,0
Tổng số điểm		100